

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP QUỐC TẾ MINTON
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP QUỐC TẾ MINTON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINTON INTERNATIONAL SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINTON.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107900684

3. Ngày thành lập: 28/06/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

P402, tòa nhà Thăng Lợi, ngõ 49, đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chuyên phát	5320
2.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
3.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Loại Nhà nước cho phép)	9329
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại Nhà nước cho phép)	8299
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
8.	In ấn	1811
9.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
10.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
11.	Tái chế phế liệu	3830
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
15.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
16.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
17.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
18.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

19.	Xây dựng nhà các loại	4100
20.	Xây dựng công trình công ích	4220
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Bốc xếp hàng hóa	5224
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
28.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
31.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
32.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
33.	Quảng cáo	7310
34.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
35.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
36.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
37.	Hoạt động thể thao khác	9319
38.	Cơ sở lưu trú khác	5590
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
41.	Hoạt động xuất bản khác	5819
42.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
45.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
46.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
47.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
48.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50.	Giáo dục mầm non	8510

51.	Giáo dục tiểu học	8520
52.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
53.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
54.	Đào tạo cao đẳng	8541
55.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
56.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
57.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
65.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
70.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632(Chính)
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
74.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
75.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
76.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
77.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
78.	(Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

Thời gian đăng từ ngày 28/06/2017 đến ngày 28/07/2017

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VIỆT HÙNG	Số nhà 28, ngõ 145, đường Trường Chinh, tổ 11, Phường Minh Khai, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	2.400.000.000	20,000	168002158	
			Tổng số	24.000	2.400.000.000	20,000		
2	VŨ PHONG	Tổ 4, đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600	60.000.000	0,500	168468360	
			Tổng số	600	60.000.000	0,500		
3	DƯƠNG KIM NGÂN	Số nhà 86, đường Trần Phú, tổ 2, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	95.400	9.540.000.000	79,500	035182001641	
			Tổng số	95.400	9.540.000.000	79,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DUỖNG KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 035182001641

Ngày cấp: 08/11/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 86, đường Trần Phú, tổ 2, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 86, đường Trần Phú, tổ 2, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội